

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *5949* /UBND-NC

Bến Tre, ngày 20 tháng 9 năm 2022

V/v thực hiện một số nội dung
của Luật Cư trú liên quan đến
Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Cư trú, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2021. Theo đó, tại Điều 38 Luật Cư trú quy định: *“Khi công dân thực hiện các thủ tục đăng ký, khai báo về cư trú dẫn đến thay đổi thông tin trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thu hồi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã cấp, thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của Luật này và không cấp mới, cấp lại Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú”*.

Để việc triển khai thực hiện quy định của Luật Cư trú thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi, giảm phiền hà cho công dân trong thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân khi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú không còn giá trị sử dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là địa phương) triển khai thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quy định của Luật Cư trú và các phương thức sử dụng thông tin công dân thay việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú trong thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự khi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú không còn giá trị sử dụng

a) Sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú

Tại khoản 1 Điều 3, Điều 18 và Điều 20 Luật Căn cước công dân năm 2014 quy định: Căn cước công dân là thông tin cơ bản về lai lịch, nhân dạng của công dân; khi công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền không

được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin về căn cước công dân đã được thể hiện trên mặt thẻ Căn cước công dân, gồm: (1) Ảnh, (2) Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân), (3) Họ, chữ đệm và tên khai sinh; (4) Ngày, tháng, năm sinh; (5) Giới tính; (6) Quốc tịch; (7) Quê quán; (8) Nơi thường trú; (9) Ngày, tháng, năm hết hạn; (10) Đặc điểm nhân dạng; (11) Vân tay; (12) Ngày, tháng, năm cấp thẻ; (13) Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ.

b) Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên thẻ Căn cước công dân có gắn chip

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc QRCode (theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) tích hợp với máy tính hoặc thiết bị di động để đọc thông tin công dân từ mã QRCode trên thẻ Căn cước công dân phục vụ cho việc giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch dân sự khác của công dân (*không yêu cầu công dân xuất trình Chứng minh nhân dân 9 số hoặc giấy xác nhận số Chứng minh nhân dân 9 số của cơ quan Công an*).

Các thông tin khi quét mã QRCode gồm: Số Căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân 9 số; họ và tên, ngày sinh, giới tính, nơi thường trú, ngày cấp Căn cước công dân.

c) Hướng dẫn công dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự (hạn chế việc xuất trình, nộp giấy tờ để chứng minh các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư)

Bước 1: Công dân truy cập trang web dân cư quốc gia theo địa chỉ: <https://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>

Bước 2: Đăng nhập tài khoản/mật khẩu truy cập (*sử dụng tài khoản Cổng dịch vụ công quốc gia*); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại.

Bước 3: Tại trang chủ, truy cập vào chức năng “Thông tin công dân” và nhập các thông tin theo yêu cầu: Họ tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận, sau đó nhấn “Tìm kiếm”.

Bước 4: Thông tin cơ bản của công dân sẽ hiển thị trên màn hình gồm: (1) Họ, chữ đệm và tên khai sinh; (2) Ngày, tháng, năm sinh; (3) Giới tính; (4) Nơi đăng ký khai sinh; (5) Quê quán; (6) Nơi thường trú; (7) Số định danh cá nhân; (8) Số Chứng minh nhân dân.

d) Sử dụng ứng dụng VNeID hiển thị các thông tin trên các thiết bị điện tử để phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự (theo Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Bước 1: Công dân đến cơ quan Công an (*Công an cấp huyện*) đăng ký tài khoản mức 2; thực hiện cài đặt ứng dụng VNeID; thực hiện kích hoạt tài khoản trên thiết bị di động khi nhận được tin nhắn thông báo đăng ký tài khoản thành công theo các bước trong ứng dụng VNeID.

Bước 2: Sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử như sau:

(1) Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*liên thông với Cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương*) với tên tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tùy từng dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào mẫu điện tử (eForm) (*người dân không phải điền và không điều chỉnh được thông tin trên mẫu điện tử*).

Các thông tin (tùy theo dịch vụ) gồm: (1) Họ, chữ đệm và tên khai sinh; (2) Ngày, tháng, năm sinh; (3) Giới tính; (4) Quê quán; (5) Dân tộc; (6) Tôn giáo; (7) Quốc tịch; (8) Nơi thường trú; (9) Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; (10) Số Chứng minh nhân dân đã được cấp; (11) Ngày cấp; (12) Ngày hết hạn (của thẻ Căn cước công dân); (13) Đặc điểm nhân dạng; (14) Ảnh chân dung; (15) Trích chọn vân tay; (16) Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân).

(2) Sử dụng các thông tin hiển thị trên VneID:

Công dân sử dụng tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng VNeID trên thiết bị di động. Các thông tin Căn cước công dân, thông tin dân cư được tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch của người dân.

Thông tin hiển thị trên VNeID gồm: (1) Số Căn cước công dân; (2) Họ và tên; (3) Ngày sinh; (4) Giới tính; (5) Quốc tịch; (6) Quê quán; (7) Nơi thường trú; (9) Căn cước công dân có giá trị đến; (10) Đặc điểm nhân dạng; (11) Ngày cấp; (12) Số điện thoại.

(3) Các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp với hệ thống định danh xác thực điện tử của Bộ Công an để sử dụng xác thực điện tử tài khoản định danh điện tử của người dân.

đ) Sử dụng giấy xác nhận thông tin về cư trú (ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ Công an)

Công dân có thể trực tiếp đến bất kỳ cơ quan đăng ký cư trú (Công an cấp xã) không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú (có thể gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết tại Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công

Bộ Công an hoặc Công dịch vụ công quản lý cư trú). Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của công dân. Giấy xác nhận thông tin về cư trú có giá trị 30 ngày kể từ ngày cấp và có giá trị 6 tháng kể từ ngày cấp (đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cư trú).

Giấy xác nhận thông tin về cư trú có các thông tin về công dân, về nơi cư trú của công dân, về chủ hộ và mối quan hệ của các thành viên hộ gia đình, cụ thể: (1) Số định danh cá nhân; (2) Họ, chữ đệm và tên khai sinh; (3) Ngày, tháng, năm sinh; (4) Giới tính; (5) Quê quán; (6) Dân tộc; (7) Tôn giáo; (8) Quốc tịch; (9) Nơi thường trú; (10) Nơi tạm trú; (11) Nơi ở hiện tại; (12) Họ tên chủ hộ, số định danh chủ hộ và quan hệ với chủ hộ; (13) Họ, chữ đệm và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của các thành viên hộ gia đình và quan hệ với chủ hộ.

e) Sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (theo quy định tại Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Công dân (chưa được cấp Căn cước công dân) nếu chưa được cơ quan Công an (Công an cấp xã) cấp Thông báo số định danh và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì có thể liên hệ với Công an cấp xã để được cấp Thông báo trên để sử dụng thực hiện các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cần chứng minh nơi cư trú của công dân.

Các thông tin trên Thông báo số định danh cá nhân gồm: (1) Họ, chữ đệm và tên khai sinh; (2) Ngày, tháng, năm sinh; (3) Giới tính; (4) Nơi đăng ký khai sinh; (5) Quê quán; (6) Dân tộc; (7) Tôn giáo; (8) Quốc tịch; (9) Tình trạng hôn nhân; (10) Nơi thường trú; (11) Nơi ở hiện tại; (12) Quan hệ với chủ hộ; (13) Nhóm máu; (14) Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ; (15) Số định danh cá nhân.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức có liên quan căn cứ vào thông tin trên thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, Thông báo số định danh cá nhân, giấy xác nhận thông tin về cư trú và nghiên cứu, sử dụng các phương thức ứng dụng dữ liệu dân cư và Căn cước công dân để xác định nơi cư trú của công dân trong giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung rà soát các thủ tục hành chính có quy định liên quan đến Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Cư trú, **không yêu cầu** công dân xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính.

4. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh liên quan đến việc sử dụng Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định có liên quan không còn phù hợp với Luật Cư trú. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Điều 38 Luật Cư trú, kịp thời xử lý hoặc báo cáo khó khăn, vướng mắc về Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

5. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo về hạ tầng, an ninh, an toàn hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh để triển khai kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm sử dụng thông tin về cư trú của công dân thay cho yêu cầu công dân phải xuất trình giấy tờ chứng minh về cư trú trong giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự và công tác chuyên môn.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ngành tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc thực hiện nội dung Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng: NC, KSTT, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tam